TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN TRỤ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 09-5-2023.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Đên.

2. Ông Võ Văn Thủ.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 31/2023/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc T, sinh năm: 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 19xx; Địa chỉ: Số xx, Ấp x, xã L, huyện T, tỉnh L. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T có đơn đề nghị vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2023 và trong quá trình tố tụng có nội dung như sau: Bà và ông Nguyễn Văn T1 xác lập quan hệ hôn nhân năm 20xx, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An ngày 31/12/20xx. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra gây gỗ, xung đột với nhau. Vợ

chồng sống ly thân từ năm 20xx cho đến nay. Nay xét thấy không thể hàn gắn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 07/02/20xx và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 24/10/20xx. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi con chung Nguyễn Thảo V, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc T có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con với ông Nguyễn Văn T1 và ông T1 hiện đang sinh sống tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho bị đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[4] Bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã L cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 31/12/20xx. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T1 là hợp pháp.

[5] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp, tống đạt các văn bản tố tụng của tòa án cho cho ông T1 nhưng ông T1 không có ý kiến gì. Điều này

chứng minh ông T1 không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà T có cơ sở chấp nhận.

[6] Nuôi con chung: Bà T và ông T1 có 02 con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 07/02/20xx và Nguyễn Thảo V, sinh ngày 24/10/20xx.

[6.1] Đối với con chung tên Nguyễn Thị Thảo Q, sinh ngày 07/02/20xx đã trưởng thành và khỏe mạnh, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6.2] Đối với con chung tên Nguyễn Thảo V, sinh ngày 24/10/20xx. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng. Xét, con chung hiện đang sống chung với bà T. Mặt khác, tại bản tự khai ngày 16/3/2023 cháu Thảo V có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử tôn trọng nguyện vọng của Thảo V theo quy tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử quyết định giao Nguyễn Thảo V cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Chia tài sản: Bà T xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Nghĩa vụ trả nợ: Bà T xác định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" với ông Nguyễn Văn T1.

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Ngọc T và ông Nguyễn Văn T1.

Nuôi con chung: Giao con chung tên Lê Nguyễn Thảo V, sinh ngày 24/10/20xx cho bà Trần Thị Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn T1 không cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003303 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà T đã nộp đủ án phí.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Long An.
-VKSND huyện Tân Trụ.
-THA DS huyện Tân Trụ.
- UBND xã L, huyện T, L;
-Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Thoa